
NGHIÊN CỨU

Tham gia TPP Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam

Hà Văn Hải*

Trưởng Khoa Kinh tế, Khoa Quản lý và Kinh doanh Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 9 tháng 6 năm 2014

Chức nhận ngày 15 tháng 01 năm 2015; chấp nhận ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tóm tắt: TPP được đánh giá là Hiệp định thương mại thế kỷ XXI. Hiệp định này sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến xuất khẩu gạo của Việt Nam, trong đó có xuất khẩu gạo. Bài viết phân tích tình hình sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thời gian qua; làm rõ cơ hội và thách thức của xuất khẩu gạo khi tham gia TPP; nghiên cứu tiềm năng và pháp chế hiện tại, và đề xuất các giải pháp thúc đẩy, góp phần nâng cao năng lực và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: TPP, xuất khẩu, gạo, cơ hội, thách thức.

1. Tổng quan

Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - TPP) - hiệp định thương mại thế kỷ XXI do 12 nước thu nhập cao Thái Bình Dương, bao gồm New Zealand, Brunei, Chile, Singapore, Australia, Peru, Mexico, Malaysia, Việt Nam, Canada, Mexico và Nhật Bản, hiện nay đã trở thành một trong những hiệp định thương mại tự do hàng đầu thế giới. Trong thời gian tới, khi TPP hoàn tất các nội dung đàm phán cuối cùng, các chính sách mang tính cạnh tranh và thách thức cho các ngành kinh tế của các

đồng minh thành viên, trong đó có hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam.

2. Các nội dung đàm phán trong TPP ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo của Việt Nam

Hiện nay, TPP được kỳ vọng sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, có chất lượng cao và là khuôn mẫu cho các hiệp định thương mại thế kỷ XXI. Mục tiêu của TPP cũng như các Hiệp định thương mại tự do (FTA) là tạo lập môi trường thương mại mở cửa, không có rào cản. Các rào cản là các hàng rào thuế quan sẽ được bãi bỏ nhanh chóng với 90% các dòng thuế có thể về mức 0% và các áp dụng ngay hoặc với lộ trình rõ ràng. Trong khi đó, nông nghiệp là một lĩnh vực kinh tế quan trọng của

* T: 84-913559235

Email: hoihv@vnu.edu.vn

nhi u thành viên tham gia àm phán TPP nh ng l i g p nhi u khó kh n trong àm phán các n i dung v b o h nông s n và m c a th tr ng này [1]. Trình s n xu t nông nghi p c a các n c nh M , Australia, New Zealand m t b ng cao h n so v i các n c nh Vi t Nam, Peru, Chile. Các n c thành viên hi n u có xu h ng b o h nông s n c a mình (h n ch t i a vi c lo i b thu quan ho c n u có thì v i l trình dài) và yêu c u các i tác m c a th tr ng. Bên c nh ó, hàng lo t các quy nh v v sinh d ch t và các bi n pháp phòng v th ng m i mà các i tác tiên ti n v s n xu t nông nghi p a ra àm phán u gây khó kh n và ít tính kh thi i v i các i tác có trình s n xu t y u h n.

Trong nhi u quy nh chi ti t, áng chú ý nh t là quy nh v hàm l ng giá tr khu v c, ngh a là s n ph m ph i t t l n i a hóa t 55% t ng giá tr tr iên. Doanh nghi p ch c phép nh p t i a 45% nguyên v t li u t các n c ngoài kh i s n xu t ra m t s n ph m, k c chi phí gia công.

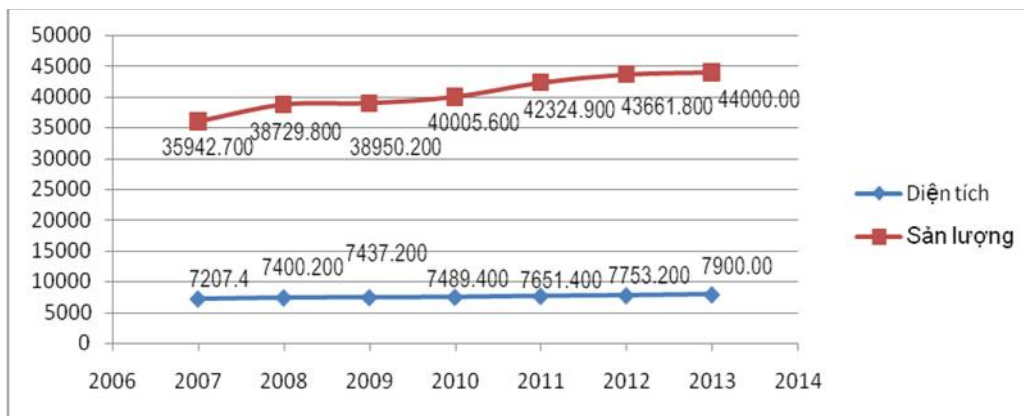
3. T ng quan tình hình s n xu t và xu t kh u g o c a Vi t Nam

3.1. Tình hình s n xu t lúa g o

Trong các m t hàng nông s n Vi t Nam, g o óng vai trò quan tr ng nh t không ch v an ninh l ng th c, lao ng và ti n công nông thôn mà còn th hi n các ngu n thu t xu t kh u. Theo B Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn (B NN&PTNT), lúa g o c tr ng trên 1/2 di n tích t nông nghi p và s d ng g n 80% lao ng nông thôn. S n l ng lúa hàng n m chi m trên 90% s n l ng các cây l ng th c có h t. Tính riêng n m 2013, s n l ng lúa t trên 44 tri u t n, t ng 338,2 nghìn t n so v i n m tr c (n m 2012 t ng 1,3 tri u t n so v i n m 2011), trong ó di n tích gieo tr ng t 7,9 tri u ha, t ng h n 146 nghìn ha, n ng su t t 55,8 t /ha, gi m 0,6 t /ha [2] (Hình 1).

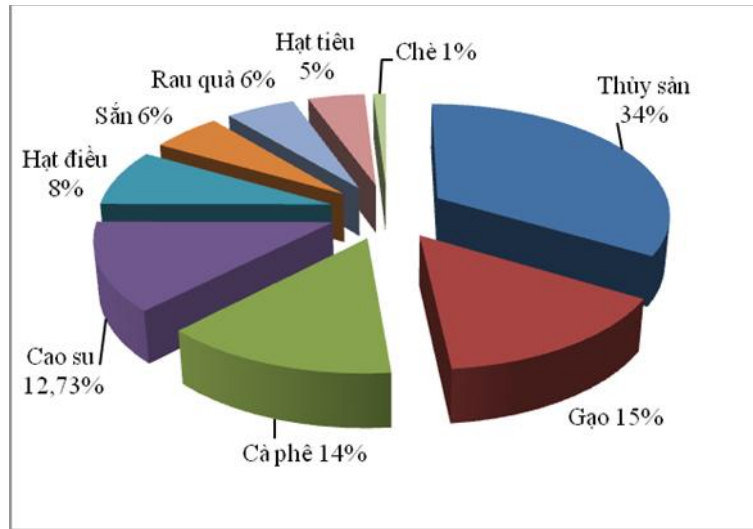
3.2. Tình hình xu t kh u g o

Cùng v i các m t hàng khác trong nhóm hàng nông s n xu t kh u nh h t i u, chè, cà phê, s n..., g o c xu t kh u ra nhi u th tr ng v i s l ng t ng đ n theo các n m. Xét v t tr ng, kim ng ch xu t kh u g o ng th 2 sau th y s n (Hình 2).



Hình 1. Di n tích và s n l ng g o c s n xu t. (n v : Di n tích: ha; S n l ng: ngàn t n)

Ngu n: B NN&PTNT Vi t Nam



Hình 2. T tr ng kim ng ch xu t kh u c a m t s m t hàng nông s n chính n m 2013.
 Ngu n: T ng c H i quan Vi t Nam.

Theo T ng c c Th ng kê, tính t n m 1995, Vi t Nam xu t kh u g n 2 tri u t n g o, ng th ba sau d u thô và than; 5 n m sau (2000), xu t kh u g o t ng lên 3,5 tri u t n, chi m ngô v u tiên trong các m t hàng xu t kh u và 10 n m sau (2010), xu t kh u g o t 6,9 tri u t n, ng th ba sau than á và d t may. N u tính t n m 2007 n 2012, xu t kh u v n t ng n nh, a g o tr thành m t trong nh ng m t hàng mang l i ngu n thu l n nh t cho Vi t Nam. N m 2013 và 2015, sau than á, d u thô và d t may, kh i l ng g o xu t kh u có b suy gi m do nhi u nguyên nhân, nh ng m t hàng g o v n gi c v trí là m t t ng nh ng m t hàng xu t kh u ch l c c a Vi t Nam (Hình 3).

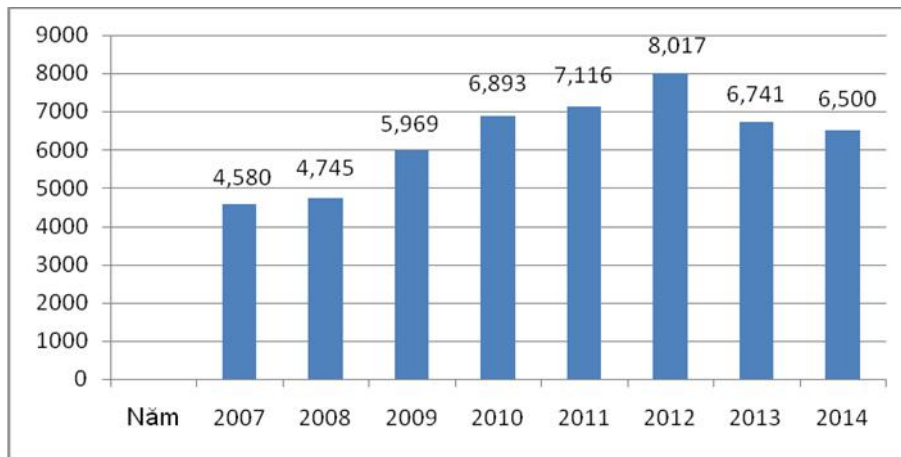
Các th tr ng xu t kh u g o chính c a Vi t Nam trong nh ng n m g n ây g m Trung Qu c, Malaysia, Philippines, C ng hòa Liên bang Nga và Angieri. G n ây, Trung Qu c tr thành n c nh p kh u g o l n nh t c a Vi t Nam [3]. N m 2013, Trung Qu c nh p kh u g n 1,5 tri u t n g o, chi m t tr ng 54,78% trong t ng kh i l ng g o xu t kh u c a Vi t Nam. Ti p n là Malaysia, Philippines, C ng hòa Liên bang Nga (Hình 4).

Nhìn chung, n m 2013, xu t kh u g o c a Vi t Nam sang a s các th tr ng b s t gi m so v i n m 2012; trong ó m t s th tr ng s t gi m m nh nh : Indonesia (gi m 83,13% v l ng và gi m 80,08% v kim ng ch), Senegal (gi m 74,65% v l ng và gi m 73,6% v kim ng ch), Philippines (gi m 54,64% v l ng và gi m 52,57% v kim ng ch), ài Loan (gi m 53,29% v l ng và gi m 49,46% v kim ng ch). Tuy nhiên, xu t kh u g o sang m t s th tr ng v n t m c t ng tr ng cao trên 100% v l ng và kim ng ch nh : xu t sang Nga (t ng 495,8% v l ng và t ng 458,73% v kim ng ch), Ukraine (t ng 224,56% v l ng và t ng 177,04% v kim ng ch), các ti u v ng qu c R p Th ng nh t (t ng 121,22% v l ng và t ng 113,14% v kim ng ch), Hà Lan (t ng 241,85% v l ng và t ng 145,62% v kim ng ch) và Ba Lan (t ng 156,87% v l ng và t ng 97,04% v kim ng ch) [3].

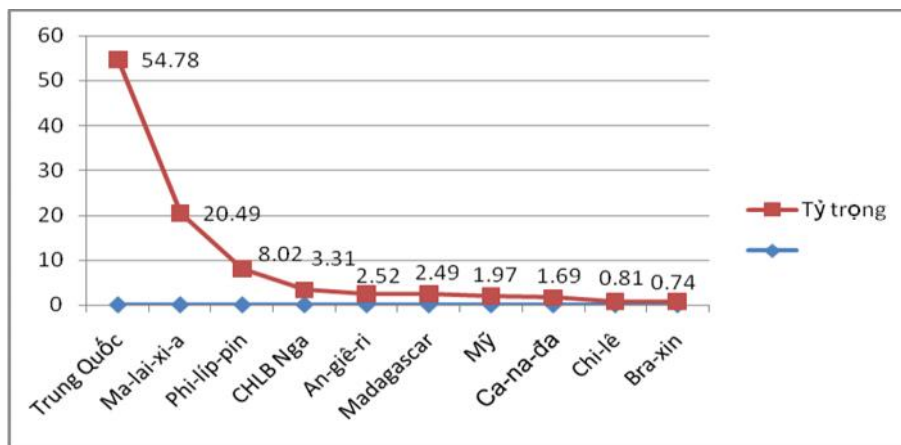
Xét riêng trong n i kh i các n c TPP, tính t n m 2010 n nay (2013), Malaysia luôn là n c d n u v nh p kh u g o c a Vi t Nam, k n là M , Canada và Chile. Các n c còn l i có kh i l ng nh p kh u r t nh , t h n 1.000 t n tr xu ng. Tuy nhiên, t tr ng kh i

l ng g o các n c TPP trong t ng kh i l ng g o xu t kh u c a Vi t Nam t ng gi m th t th ng. c bi t n m 2013, kh i l ng g o nh p kh u c a 2 qu c gia đ n u trong các n c TPP nh p kh u g o c a Vi t Nam là Malaysia và M ã gi m m nh. M t trong nh ng nguyên nhân chính là do áp l c c nh tranh cao t g o c a Thái Lan, n và nhu c u l ng th c c a các n c này gi m (B ng 1).

Nh v y, duy trì và nâng cao hi u qu xu t kh u g o trong tình hình hi n nay, các doanh nghi p trong n c không nên ch y theo s l ng mà ph i chú ý u t nâng cao ch t l ng s n ph m nâng giá tr , ng th i chú ý khai thác các th tr ng m i, nh t là các th tr ng tiêu th g o c p cao. áng chú ý, Vi t Nam là n c s n xu t g o có s c c nh tranh nh ng ch t l ng g o l i th p so v i qu c t ù ã có d u hi u c i t i n.



Hình 3. Kh i l ng xu t kh u g o (2007-2014) (n v : Tri u t n).
Ngu n: T ng c c Th ng kê -2015



Hình 4. T tr ng g o nh p kh u c a 10 n c trên t ng l ng g o xu t kh u c a Vi t Nam n m 2013 (%).
Ngu n: ITC d a trên c s phân tích c a UN COMTRADE

B ng 1. Kh i l ng g o nh p kh u t Vi t Nam c a các n c TPP (t n)

TT	Các n c	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
1	Malaysia	449.584	277.969	471.310	860.911	591.434	550.597	765.750	553.981
2	M	467	803	883	52.241	13.146	17.211	59.164	53.211
3	Canada	295	262	1.348	1.367	1.350	5.400	1.753	45.781
4	Chile		1.391	1.000	1.099	39.167		8.578	21.775
5	Australia	1.296	2.020	2.018	4.833	6.681	7.999	6.603	6.583
6	New Zealand	236	412	265	1.442	1.299	788	916	1.205
7	Nh t B n	97.280	77.829	6.969	0	0	0	27.766	400
8	Brunei	0	0	0	0	0	0	1.284	0
9	Peru	0	0	8.435	7.496	250	0	673	0
10	Singapore	61.024	69.690	33.450	40.422	81.391	95.820	88.167	0
11	Mexico	0	0	0	0	0	0	0	0
T tr ng trong t ng kh i l ng nh p kh u (%)		16,51	12,54	16,99	22,18	17,56	14,04	17,73	25,26

Ngu n: ITC d a trên c s phân tích c a UN COMTRADE.

3.3. D báo tình hình c nh tranh và nhu c u g o th gi i

Xu t kh u g o c a n c ta trong n m 2014 t p t c i m t v i nhi u c nh tranh t các n c xu t kh u g o truy n th ng và i th m i n i. Xu t kh u, tiêu th lúa g o hàng hóa khó kh n h n, k ho ch xu t kh u có th ch t ng ng n m 2013, kho ng 6,5-7 tri u t n. N m 2014 t p n i nh ng khó kh n c a n m 2013 nh ng áp l c nhi u h n i v i các ngu n xu t kh u do cung c p d th a, c nh tranh quy t li t.

Theo B Nông nghi p M (USDA), t ng l ng g o c giao d ch trên toàn c u trong n m 2014 t m c k l c 39,8 tri u t n, t ng 0,65 tri u t n so v i d báo tr c ây và t ng 1,46 tri u t n so v i n m 2013. Trao i m u d ch i v i m t hàng g o trên toàn c u trong n m 2014 t ng lên ch y do nhu c u nh p kh u g o c a Trung Qu c và khu v c Tây Phi t ng m nh. USDA ánh giá n s t p t c gi v trí qu c gia xu t kh u g o l n nh t th gi i. Ho t ng xu t kh u g o c a Vi t Nam và Thái Lan trong n m 2014 t ng lên. Theo ó,

l ng g o xu t kh u c a Thái Lan trong n m 2014 t 8,5 tri u t n, t ng 500.000 t n so v i d báo tháng 11/2013 do nhu c u s d ng g o trên toàn c u t ng lên và ngu n cung g o đ i dào t i Thái Lan. Thái Lan có kh n ng tr thành n c xu t kh u g o l n th hai th gi i trong n m 2014 [4].

Trong báo cáo “Tri n v ng th tr ng nông nghi p và thu nh p t i EU giai o n 2013-2023”, EU d oán di n tích tr ng lúa t i châu Âu s g n nh không thay i trong th p k t i và nh p kh u s t ng áp ng nhu c u gia t ng. EU nh n nh vi c t ng di n tích tr ng lúa là g n nh không th , vì v y s n l ng ch có th t ng do n ng su t t ng. Báo cáo c ng ch ra r ng trong khi m c t ng n ng su t g n ây là khiêm t n, n ng su t v n có th t ng h n n a nh vào giá t ng và nhu c u n i a t ng. EU d báo s n l ng g o trong n m 2014 s t ng nh lên 1,8 tri u t n t m c 1,7 tri u t n c a n m 2013 do di n tích t ng. Tuy nhiên, d báo di n tích s không i trong th p niên t i. Do s c tiêu th d ki n t ng t 2,6 tri u t n n m 2013 lên 2,9 tri u t n vào n m 2023, EU d báo nh p

kh u g o c a châu Âu s t ng t m c hi n t i l tri u t n lên 1,2 tri u t n vào n m 2023 [5].

M t khác, k t qu nghiên c u m i nh t c a các nhà khoa h c thu c i h c Minnesota (M) cho th y à t ng tr ng v s n l ng g o trên th gi i hi n nay không áp ng nhu c u tiêu th g o toàn c u vào n m 2050. Theo nghiên c u này, m b o an ninh l ng th c trên th gi i trong t ng lai, c n ph i t ng g p ôi s n l ng g o và các lo i ng c c khác lên kho ng 1 t t n vào n m 2050. Theo c tính c a T ch c Nông nghi p và L ng th c Liên H p Qu c (FAO), s n l ng g o toàn c u t i th i i m hi n t i là 497 tri u t n. V i t c t ng tr ng v s n l ng 1%/n m nh hi n nay, s n l ng g o toàn c u vào n m 2050 s ch t ng 42% lên 705 tri u t n. S n l ng g o t i các qu c gia s n xu t g o hàng u th gi i ang t ng đ i 1%. Con s này t i Trung Qu c là 0,7%/n m và Indonesia là 0,4%/n m. T c t ng tr ng s n l ng i v i các lo i ng c c ch ch t khác nh ngô, lúa m và u t ng v n th p h n s o v i t c c n t ng g p ôi s n l ng c a các lo i ng c c này vào n m 2050. Trong khi ó, t c t ng dân s t i m t s n c ang v t cao h n t c t ng v s n l ng g o. S gia t ng v dân s s làm suy gi m đi n tích gieo tr ng, e đ a an ninh l ng th c toàn c u.

T nh ng đ báo trên, ngành g o Vi t Nam c n ch ng xây đ ng m t chi n l c c th cho xu t kh u m t hàng này, c bi t là h ng t i các th tr ng châu M , n i có 5 /12 n c tham gia TPP, trong ó M và Canada là th tr ng nh p kh u g o r t t i m n ng.

4. C h i, thách th c i v i xu t kh u g o Vi t Nam khi tham gia TPP

4.1. C h i cho xu t kh u g o c a Vi t Nam

Th nh t, c h i có c t vi c c t gi m thu quan. L i ích này c suy oán là s có

c khi hàng hóa Vi t Nam t i p c n các th tr ng này v i m c thu quan th p ho c b ng 0. Nh v y, l i ích này ch th c t n u m t hàng g o c a Vi t Nam ang ph i ch u m c thu quan cao các th tr ng ó và thu quan là v n duy nh t c n tr s c c nh tranh c a hàng hóa Vi t Nam trên th tr ng, trong ó có m t hàng g o [2]. Tuy nhiên, theo ITC (B ng 1), trong 12 n c àm phán TPP thì ch có Malaysia là n c nh p kh u g o l n nh t c a Vi t Nam, chi m kho ng 20% t ng kim ng ch xu t kh u g o c a Vi t Nam trong n m 2013. M c dù c coi là th tr ng xu t kh u g o l n c a Vi t Nam nh ng thu nh p kh u g o c a Vi t Nam vào Malaysia ã c quy nh m c 0% theo Khu v c M u d ch t do ASEAN (AFTA). Bên c nh ó, Vi t Nam c ng ã ký FTA song ph ng v i m t s n c khác trong TPP nh Chile, Nh t B n..., ngh a là s n ph m nông nghi p ã c cam k t c t gi m thu còn 0% theo l trình trong FTA. T ó cho th y, s n ph m g o c a Vi t Nam ch có th m r ng xu t kh u sang các n c ch a có FTA v i Vi t Nam nh M , Canada, Mexico, Peru. Tuy nhiên, th c t cho th y, ây l i không ph i là các n c nh p kh u nhi u g o t Vi t Nam.

Th hai, c h i nâng cao l i th c nh tranh, m r ng th p n. Lúa g o là m t hàng xu t kh u ng th 10 v kim ng ch xu t kh u c a Vi t Nam v i m c 3,7 t USD n m 2012 và g n 2,93 t USD n m 2013. T c t ng tr ng bình quân hàng n m giai o n 2007 - 2012 t 20,3%. Tuy nhiên, xu t kh u g o n m 2013 ang có chi u h ng s t gi m so v i n m tr c v s n l ng và kim ng ch do c nguyên nhân bên trong và bên ngoài. Là m t n n kinh t nh h ng xu t kh u, v i c Vi t Nam có th t i p c n các th tr ng l n nh M , Canada, Nh t B n v i m c thu s u t b ng 0 s mang l i l i th c nh tranh và tri n v ng cho nhi u ngành hàng c a Vi t Nam, kéo theo ó là l i ích cho m t b ph n l n ng i lao ng ho t ng trong các l nh v c ph c v xu t kh u. L i ích này không ch đ ng l i các nhóm m t hàng mà Vi t Nam ang có th

m nh xu t kh u (ví d nh d t may, gi y dếp...), mà còn là ng l c nhi u nhóm m t hàng khác hi n ch a có kim ng ch áng k có i u ki n gia t ng s c c nh tranh nh m t hàng g o. Nói cách khác, l i th này không ch nhìn t góc hi n t i mà còn c nhìn th y c ti m n ng trong t ng lai.

Th ba, v tri n v ng xu t kh u, TPP có th mang l i cho nông s n nhi t i n c ta, nh t là m t hàng g o, c h i ti p c n các th tr ng quan tr ng nh châu M , t ó gi m b t s l thu c vào th tr ng Trung Qu c. Trong th i gian t i, n u àm phán TPP c hoàn t t, Hi p nh này s m ra nhi u c h i xu t kh u g o n các n c châu M và Nh t B n, n i có giá bán cao h n n u Vi t Nam v t qua c các rào c n v k thu t.

th tr ng châu M , các doanh nghi p xu t kh u g o c a Vi t Nam c ng ang k v ng vào TPP, b i ây là th tr ng có s t ng tr ng t t và giá bán cao. Theo báo cáo c a Hi p h i L ng th c Vi t Nam, n m 2013 xu t kh u g o sang châu M có s t ng tr ng m nh m h n 37% so v i cùng k n m ngoái, ch y u t ng t các th tr ng m i nh M , Canada, Mexico, Chile. Tuy nhiên, các th tr ng này ch m i chi m kho ng 7% trong t tr ng g o xu t kh u c a Vi t Nam nên ây là khu v c còn r t nhi u ti m n ng cho xu t kh u g o.

Theo B Công Th ng, g o Vi t Nam hi n có l i th c nh tranh v giá so v i g o Thái Lan. Ngoài ra, g o tr ng cao c p nh p kh u t Vi t Nam ang c nhi u nhà hàng châu Á M a chu ng h n g o Thái Lan và g o M do phù h p v i nhi u cách ch bi n. Hi n giá bán l g o tr ng cao c p Vi t Nam vào nhà hàng M khá t t, lên n 1.000 USD /t n, trong khi m c bình quân g o tr ng 5% t m Vi t Nam ch ang bán m c 420 USD/t n. Khi TPP có hi u l c, n u thu su t i v i m t hàng g o xu ng n 0% nh trong n i dung àm phán TPP a ra thì g o Vi t Nam càng có i u ki n giành c l i th c nh tranh t t h n.

i v i th tr ng Nh t B n, trong các n m 2006, 2007, 2008, xu t kh u g o c a Vi t Nam

sang th tr ng này l n l t là 97 .280, 77.829, 6.969 t n nh ng nh ng n m ti p theo xu t kh u g o sang Nh t B n b “ch ng” l i vì rào c n k thu t c a qu c gia này quá kh t khe (n m 2013 ch t 400 t n). Tuy nhiên, m t khi àm phán TPP c hoàn t t, ch c ch n m t hàng g o s xu t kh u qua n c này nhi u h n, góp ph n t ng s n l ng và kim ng ch xu t kh u m t hàng này, ng th i t o i u ki n cho vi c a d ng hóa th tr ng xu t kh u g o c a Vi t Nam.

Tóm l i, khi Vi t Nam tham gia TPP thì c h i nâng cao n ng l c c nh tranh và m r ng th tr ng xu t kh u c a s n ph m g o Vi t Nam là có, nh ng c h i này không ph i là l n và TPP không ph i là “ i ti c” i v i ho t ng xu t kh u g o c a Vi t Nam.

4.2. Thách th c i v i xu t kh u g o Vi t Nam

Bên c nh c h i, s n xu t và xu t kh u g o c a Vi t Nam c ng ph i i m t v i không ít thách th c b i theo B tr ng B Công Th ng V Huy Hoàng, khi ký k t TPP, l nh v c d b t n th ng nh t v n là nông nghi p.

Th nh t, vi c gi m thu ch c ch n s d n n s gia t ng nhanh chóng lu ng hàng nh p kh u t các n c TPP vào Vi t Nam v i giá c c nh tranh. Nhi u s n ph m hàng hóa nông nghi p, do quy mô s n xu t nh l , n ng su t lao ng còn th p, áp d ng ti n b khoa h c h n ch nên giá thành s n ph m còn cao. Vì v y, vi c m c a th tr ng ít nhi u s tác ng n nh ng s n ph m hàng hóa này. H qu t t y u là doanh nghi p ph i i m t v i s c nh tranh gay g t, th ph n hàng hóa c a Vi t Nam s b thu h p, th m chí là nguy c m t th ph n n i a [6]. Nguy c này c b i t nguy hi m i v i nhóm hàng nông s n, trong ó có g o, v n g n li n v i i t ng d b t n th ng trong h i nh p là nông dân. Khi Vi t Nam ph i m c a th tr ng, t c ph i lo i b 100% đồng thu (thu nh p kh u) i v i các s n ph m nông nghi p, trong khi rào c n k thu t ch a có ho c không cao, nên m t hàng g o trên th tr ng n i a c ng s g p b t l i. Trên th tr ng Vi t Nam hi n ã có nhi u lo i g o ch t l ng cao

c a Thái Lan, Nh t B n i theo ng ti u ng ch. Nh v y, khi TPP có hi u l c, g o c a Vi t Nam s b c nh tranh ngay trên sân nhà.

Th hai, thách th c t quy nh v rào c n k thu t. Vi t Nam v n là m t n c có khu v c s n xu t và xu t kh u g o khá l n nên có nhu c u cao trong vi c yêu c u các i tác m c a th tr ng nông nghi p cho nông s n Vi t Nam nói chung và m t hàng g o nói riêng. V n khó kh n là ch các n c TPP u có xu h ng àm phán h n ch , gi b o h i v i m t hàng g o n i a (không m c a). V n TBT (Technical Barriers to Trade - hàng rào k thu t th ng m i) và SPS (Sanitary and Phytosanitary Measures - bi n pháp v sinh d ch t) r t quan tr ng i v i kh n ng ti p c n th tr ng các n c c a m t hàng g o Vi t Nam b i dù thu nh p kh u vào các n c có c c t b h t nh ng vi c ki m d ch, ki m tra d l ng kháng sinh, các òi h i v nhãn mác bao gói... c a các n c v n ng n ch n kh n ng xu t kh u g o c a Vi t Nam. i u này th m chí còn có th r i ro h n nhi u so v i thu quan. Trong khi ó, àm phán TPP liên quan n v n này hi n nay h u nh không gi i quy t c v ng m c này c a Vi t Nam vì các n i dung àm phán không c p t i v n h n ch quy n ban hành các i u ki n SPS, TBT m i c a các n c TPP (và vì v y các n c này v n c n ph ng a ra các i u ki n SPS, TBT m i ho c i u ch nh, t ó ng n ch n vi c nh p kh u c a nông s n Vi t Nam vào các n c này). Th c t , àm phán ch xoay quanh v n h p tác x lý v ng m c, m t v n ch liên quan t i rút ng n th i gian x lý khi u n i, còn các i u ki n ki m d ch thì v n gi nguyên.

Th ba, thách th c liên quan n tiêu chu n lao ng và môi tr ng. C ng liên quan t i nông s n, nh ng khía c nh s n xu t, m t s cam k t trong TPP các l nh v c t ng nh không liên quan nh ng n u không c àm phán quy t l i t c ng s nh h ng tr c ti p t i s n xu t và tri n v ng c a hàng nông s n. Ví d , trong d th o Ch ng lao ng, n u i u kho n v vi c ch n và bu c tr l i toàn b hàng

xu t kh u c làm t lao ng tr em t i biên gi i không c u tranh lo i b , thì vi c tr ng lúa v i nh ng s n ph m c làm ra t quy mô h gia ình, v i s tham gia c a tr em nông thôn Vi t Nam s là nhóm u tiên ph i ch u thi t thòi. ng th i, kh n ng các v n v môi tr ng và lao ng c a vào ph m vi i u ch nh c a TPP theo h ng nâng cao các tiêu chu n/yêu c u v các l nh v c này là r t l n. Trên th c t , các yêu c u này các th tr ng i tác TPP (c bi t là M) ã t ng ho c ang khi n nhi u lo i hàng hóa xu t kh u g p nhi u thách th c các th tr ng này.

5. M t s gi i pháp chính góp ph n y m nh xu t kh u g o c a Vi t Nam sang các n c TPP

Th nh t, nâng cao ch t l ng g o xu t kh u. Xu t kh u g o c a Vi t Nam vào các n c TPP trong th i gian v a qua b ch ng l i, trong ó, th tr ng Nh t B n gi m r t m nh. M c dù Vi t Nam là n c xu t kh u g o hàng u th gi i nh ng n m 2013 ch xu t sang Nh t B n c 400 t n, không t ng x ng v i quan h kinh t - th ng m i gi a hai n c. Nguyên nhân v ng m c l n nh t là do Lu t V sinh an toàn th c ph m c a Nh t B n r t nghiêm ng t. Do ó, y m nh xu t kh u m t hàng g o sang các th tr ng khó tính nh Nh t B n, các doanh nghi p Vi t Nam c n l u tâm nâng cao ch t l ng g o b ng gi ng g o ngon, phát tri n v ùng s n xu t nguyên li u ch t l ng cao. Th i gian qua, Vi t Nam và Nh t B n ã ký k t nhi u th a thu n kinh t quan tr ng. ây là nh ng thu n l i cho h p tác th ng m i Vi t-Nh t, t ng xu t kh u nông s n Vi t Nam sang Nh t B n. Tuy nhiên, các doanh nghi p không th ch ch Nh t B n xem xét n i l ng quy ch v sinh an toàn th c ph m khi nh p kh u hàng hóa vào n c này, mà c hai bên cùng ph i quan tâm tháo g b ng vi c tri n khai các ch ng trình h p tác k thu t nh m nâng cao ch t l ng hàng hóa và ch p nh n k t qu

ki m nghi m c a nhau. ây là cách làm hi u qu áp ng các tiêu chí an toàn th c ph m.

Th hai, chú tr ng giá và ch t l ng g o. Trong các n c TPP ch a ký FTA v i Vi t Nam thì các n c châu M nh M , Canada, Mexico, Peru c coi là các th tr ng ti m n ng cho xu t kh u g o, c bi t là th tr ng M v i nhu c u nh p kh u g o r t l n. Tuy nhiên, l ng g o mà M nh p kh u t Vi t Nam trong th i gian qua r t ít. Nguyên nhân là do ch t l ng g o c a Vi t Nam ch a áp ng yêu c u v ch t l ng c a m t trong nh ng th tr ng c coi là khó tính nh t t tr c n nay. Ch a k m t hàng g o c a Vi t Nam ang b c nh tranh v giá và ch t l ng t g o Thái Lan. Vì v y, nâng cao kh n ng c nh tranh, g o Vi t Nam c n chú tr ng c hai v n giá và ch t l ng. làm c i u này, ngay t khâu thu ho ch ph i c làm t t, chú tr ng u t cho khâu ch bi n và công nghi p ch bi n gi m t l t n th t (hi n nay t l t n th t sau thu ho ch c a n c ta là 13 -16%, Thái Lan kho ng 7-10%), nâng cao ch t l ng g o Vi t Nam (80% t ng l ng lúa c xay xát t i các c s nh không c trang b ng b v sân ph i, s y và kho ch a, trong khi ó Thái Lan có trên 90% là nhà máy quy mô l n, c trang b ng b , nên ch t l ng g o cao h n).

Th ba, xây d ng chi n l c xu t kh u g o. Trên th tr ng xu t kh u g o hi n nay, i th c nh tranh l n c a Vi t Nam là Thái Lan và n . Hai qu c gia này không tham gia àm phán, do ó Vi t Nam s có l i th h n trong xu t kh u g o n i kh i TPP. Ngo i tr Singapore và Malaysia ang là hai th tr ng tiêu th g o l n c a Vi t Nam, l ng g o xu t kh u sang 9 n c còn l i trong TPP ch chỉ m 1,6% nhu c u nh p kh u g o c a các qu c gia này, cho th y kh n ng t ng tr ng xu t kh u g o v n còn khá l n. Tr c ó, Vi t Nam ã ký FTA song ph ng v i 7/12 n c trong TPP,

ng h a là s n ph m nông nghi p ã c cam k t c t gi m thu còn 0% theo l tình, do ó TPP ch mang l i l i ích v thu quan cho Vi t Nam i v i các n c ch a có FTA v i Vi t Nam là M , Canada, Peru. ón b t th i c này, Vi t Nam c n có chi n l c xu t kh u g o m t cách c th . Trong ó, quy ho ch các vùng tr ng lúa m b o s n l ng g o ch t l ng cao, n nh cho xu t kh u là gi i pháp c n chú tr ng.

Th t, xây d ng th ng hi u g o. M c dù Vi t Nam là n c xu t kh u g o l n, nh ng ch a có th ng hi u hay nhóm th ng hi u g o n i ti ng ho c c tr ng cho g o Vi t Nam, trong khi các th ng hi u g o “H ng nhài - Jasmine”, g o Basmati c g n li n v i các qu c gia s n xu t là Thái Lan, n và Pakistan trên th tr ng th gi i. Do v y, nâng cao kh n ng c nh tranh và kh n ng phát tri n th tr ng, r t c n thi t ph i xây d ng th ng hi u cho g o Vi t Nam. có c th ng hi u g o s c c nh tranh, có uy tín trên th tr ng, ho t ng xu t kh u g o c n ph i c quy ho ch ngay t khâu tr ng lúa n khâu thu ho ch và ch bi n. i u này òi h i ph i có s liên k t “b n nhà” (Nhà n c, nhà khoa h c, doanh nghi p, nông dân) m t cách ch t ch và hi u qu cao nông dân, doanh nghi p quan tâm u t , s n xu t. Doanh nghi p và nông dân là hai tác nhân chính c a các m i liên k t trong s n xu t lúa g o. Trong ó, doanh nghi p thu mua xu t kh u g o là “ u tàu”, là ng c c a m i liên k t. Doanh nghi p gi vai trò quan tr ng trong liên k t “ba nhà” còn l i quy ho ch vùng s n xu t lúa g o xu t kh u, h tr u vào và thu mua s n ph m cho nông dân, t ng b c ti n t i xây d ng th ng hi u s n ph m g o xu t kh u. Trong quá trình th c hi n liên k t này, vai trò c a Nhà n c là h tr tín d ng u ãi cho các “nhà”.

V phía doanh nghi p, c bi t là khu v c t nhân, khó kh n l n nh t chính là vi c thi u v n, ng th i l i ph i ch u r i ro cao khi ng v n cho nông dân. Trong tr ng h p x y ra thiên tai hay các nguyên nhân b t kh kháng không tr c n , doanh nghi p ph i k é o dài th i gian n ngân hàng làm t ng v n vay, giá thành s n ph m t ng, nh h ng n ho t ng tài chính. Vì v y, doanh nghi p s an tâm h n trong vi c u t cho s n xu t tr ng lúa g o n u c các ngân hàng cùng tham gia sâu h n trong m i liên k t này. Bên c nh ó, các ngân hàng c ng có th tham gia vào khâu h tr cho các nhà khoa h c trong vi c nghiê n c u tìm ra các gi ng lúa m i cho n ng su t và ch t l ng cao, m b o ngu ng o n nh cho xu t kh u khi có c h i do TPP mang l i.

6. K t lu n

C ng gi ng nh các quá trình h i nh p khu v c khác, tham gia TPP s mang l i c c h i và thách th c i v i m i ngành các m c khác nhau. i v i xu t kh u g o, trên c s xác nh c nh ng c h i, thách th c, Nhà

n c và các doanh nghi p xu t kh u g o c n t p trung th c hi n các gi i pháp quan tr ng v t qua thách th c, t n d ng c nh ng c h i mang n t TPP, góp ph n thúc y kim ng ch xu t kh u g o sang các n c TPP trong th i gian t i.

Tài li u tham kh o

- [1] Brock R. Williams, Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic, Analyst in International Trade and Finance, CRS Report for Congress, 2013.
- [2] AGROINFO, “Báo cáo ngành hàng lúa g o Vi t Nam n m 2014 và tri n v ng 2015”.
- [3] Hà V n H i, “Agreement on Trans-Pacific Partners: Opportunities and Challenges for Vietnam’s Export”, The conference TPP-Foreign Trade University, Hanoi, 2012.
- [4] United States Department of Agriculture, Forecast for Global Food Prices Global, Washington D. C., 2013.
- [5] Liên minh châu Âu (EU), Báo cáo “Tri n v ng th tr ng nông nghi p và thu nh p t i EU giai o n 2013-2023”.
- [6] Ph m Duy Ngh a, Hi p nh i tác xuyên Thái Bình D ng (TPP): C h i nào cho Vi t Nam, NXB. Th i i Thành ph H Chí Minh, 2013.

Participation in the TPP Opportunities and Challenges for Vietnam’s Rice Export

Hà V n H i

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuân Th y Str., C u Gi y Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: The TPP Agreement is considered as the “21st century trade agreement”. This Agreement will have certain impacts on exports, including rice export from Vietnam. This paper analyzes the current situation of rice production and rice export in Vietnam. Then it clarifies the opportunities and challenges for the rice export activities when Vietnam participates in the TPP. A number of measures is proposed to help Vietnam take advantage of opportunities as well as overcome challenges and hence be able to increase the volume and value of Vietnam’s rice export in the near future.

Keywords: TPP, export, rice, opportunities, challenges.